

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN LIỆT VĨNG SỚ

QUYỂN 4

TIẾT 2. Nói về sự huân tập Nhiễm Tịnh:

Chia làm bốn:

- A1. Nêu chung về nghĩa huân tập
- A2. Giải thích huân tập pháp Nhiễm
- A3. Giải thích huân tập pháp Tịnh
- A4. Kết luận chia ra dứt và không dứt.

A1. Nêu chung về nghĩa huân tập:

Lại nữa, do năng lực huân tập của bốn pháp mà pháp Nhiễm pháp Tịnh sinh khởi không dứt, bốn pháp ấy là:

- Pháp Tịnh gọi là chân như
- Nhân Nhiễm gọi là vô minh
- Tâm Vọng gọi là nghiệp thức
- Cảnh Vọng gọi là sáu trần.

Pháp Tịnh gọi là chân như: Nghĩa là nói chung hạt giống và hiện hành của vô lậu, và tâm, tâm sở nương lý tánh đều gọi là chân như. Vì lý tánh cố nhiên tức là chân như, mà hạt giống và hiện hành của vô lậu vì thuận chân như cũng gọi là Chân như.

Nhân Nhiễm gọi là vô minh: Nghĩa là chỉ riêng Bất cộng vô minh, nghĩa là thường hành Bất cộng tức chỉ cho pháp si thức thứ bảy tương ưng, chỉ đi riêng không đi chung; tức vô minh mê lý thức thứ sáu tương ưng, hoặc là phân biệt hoặc là câu sinh, đều làm chỗ nương chung cho tất cả pháp nhiễm, nên gọi là nhân Nhiễm.

Tâm Vọng gọi là nghiệp thức: Nghĩa là chỉ chung tâm thể của tám thức và thể tâm sở tương ưng kia. Nương đó, hay khởi tướng phần, kiến phần, vì có động chuyển nên gọi là Nghiệp.

Vọng cảnh gọi là sáu trần: Nghĩa là chỉ chung tướng phần tâm, tâm sở, tất cả không ngoài sáu trần, tức là duyên Sở duyên.

Huân tập nghĩa là như y phục thể gian chẳng có mùi hôi, chẳng có mùi thơm, tùy theo xông ướp mà có mùi.

Y phục chẳng có mùi hôi, chẳng có mùi thơm, dụ cho tánh tùy duyên bất biến, vốn tự chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh. Dùng vật hôi xông ướp thì có mùi hôi, dụ cho tánh bất biến, theo duyên nhiễm nên tướng nhiễm. Dùng vật thơm xông ướp thì có mùi thơm, dụ cho tánh bất biến, theo duyên tịnh nên có dụng tịnh.

Pháp tịnh chân như, tánh chẳng phải nhiễm vì vô minh huân mà có tướng nhiễm.

Tánh đức chân như tuy chẳng nhiễm, do vô nhiễm nên gọi là pháp tịnh, ví như chiếc áo chưa xông ướp, muốn nói đó là thức vô phú vô ký, vốn là toàn thể chân như nên gọi là Chân như. Vì vô minh huân có tướng nhiễm nghĩa là từ hạt giống bị nhiễm huân khởi hiện hành pháp nhiễm đầy đủ, như đoạn trước đã nói về ba tướng, sáu tướng v.v...

Tướng nhiễm vô minh thật không có nghiệp tịnh, vì chân như huân nên nói có dụng tịnh.

Tướng nhiễm vô minh chỉ chung tâm, tâm sở từ vô minh khởi, cũng là toàn thể chân như mà thành, tánh chẳng nhiễm tịnh. Đặc biệt vì đã bị huân tập nhiễm ví như chiếc áo hôi nên không có nghiệp tịnh, vì chân như huân nghĩa là dùng pháp tịnh huân tập tu đức vô lậu, như dùng hương thơm xông ướp chiếc áo hôi kia.

Nói có tịnh dụng nghĩa là ví như vì trừ mùi hôi mới nói lên dụng của hương thơm.

Hễ có tướng nhiễm thì có dụng nhiễm mà dụng nhiễm lưu chuyển sinh tử, lỗi lầm rất nặng nên không nói đến. Hễ có dụng tịnh thì có tướng tịnh, mà tướng tịnh thâm hợp thể tịnh, thế gian chẳng suy lường được nên không nói đến.

Phần đầu nêu chung nghĩa huân tập đã xong.

A2. Giải thích huân tập Pháp nhiễm:

Chia làm hai:

B1. Nói về nghĩa huân tập.

B2. Giải thích nghĩa khác nhau.

B1. Nói về nghĩa huân tập:

Vì sao huân tập pháp nhiễm không dứt? Nghĩa là vì nương chân như mà khởi vô minh làm các nhân nhiễm. Nhưng vô minh này tức huân chân như, đã huân tập rồi mà sinh tâm vọng niệm, tâm vọng niệm này lại huân vô minh. Vì huân tập mà bất giác chân pháp, vì bất giác nên tướng vọng cảnh hiện, vì năng lực huân tập tâm vọng niệm nên sinh ra các thứ chấp trước khác nhau, tạo các thứ nghiệp, chịu các quả báo khổ của thân, tâm v.v...

Chúng sinh từ vô thủy đến nay sẵn có tám thức. Tám thức và các tâm sở này vì chân nên tướng chẳng khác, thể kia tức nhất pháp giới cũng gọi là chân như.

Chân như làm chỗ nương cho mê ngộ, vì từ vô thủy đến nay không hề từng ngộ. Thức thứ bảy khởi vô minh mê lý, không biết chân pháp như thật vốn là một nên nói nương chân như khởi vô minh gây ra các nhân nhiễm.

Nếu bảo trước có chân như mới khởi vô minh, do có vô minh mới có thức A-lại-da, do có thức A-lại-da mới có bảy chuyển thức ở trước thì chúng sinh có chỗ bắt đầu, đâu khác ngoại đạo chấp Minh Sơ sinh giác.

Nhưng vô minh này tức huân chân như, nghĩa là một vô minh hiện hành thì huân trong tàng thức thành hạt giống vô minh. Thể tàng thức tức chân như, ví như khi nước động tức tánh ướt động, nên nói huân chân như.

Đây là nói theo thức và chân như, chẳng phải nói theo thứ khác.

Nhưng nước tuy động mà tánh ướt không đổi, chính là thể tùy duyên bất biến nương theo nghĩa này. Duy Thức lại nói không huân chân như, đây là nói theo Thức và chân như chẳng phải một, chính là giúp nhau hiển bày lý mâu không chống trái nhau.

Đã huân tập rồi sinh tâm vọng niệm nghĩa là nương môn sinh diệt của tục đế nên tướng có khác, sẽ có tám thức và các tâm sở, Thể Dụng bốn phần, hạt giống hiện hành sai biệt chẳng giống nhau. Nhưng sai biệt này đều không có tánh, vì vô minh nên chẳng biết vô tánh, sinh pháp chấp sai biệt, tương ứng thức thứ sáu, gọi là tâm vọng niệm. Tâm vọng niệm này lại huân vô minh nghĩa là trong thức thứ tám đã có sẵn hạt giống vô minh, khiến thức thứ bảy mỗi niệm khởi vô minh mê lý hiện hành mà pháp chấp của thức thứ sáu vọng niệm hiện hành, huân thức căn bản thứ tám, tự thành hạt giống vọng niệm. Lại trợ giúp thế lực hạt giống vô minh kia nên gọi là huân vô minh.

Vì huân tập nên không biết chân pháp, nghĩa là từ pháp si lại khởi ngã si v.v... vì bất giác vọng cảnh tướng hiện nghĩa là vì ngã si mới hiện ba cõi, sinh tử phần đoạn, sáu trần cảnh.

Vì năng lực huân tập tâm vọng niệm, sinh ra các thứ chấp trước khác nhau nghĩa là các kiến hoặc, tư hoặc nội giới và ngoại giới, gây ra các thứ nghiệp nghĩa là nghiệp hữu lậu thiện ác, bất động, nghiệp vô lậu thiên chân v.v... chịu các quả báo khổ của thân tâm, nghĩa là hai thứ sinh tử phần đoạn và biến dịch.

Nhưng tuy ba thứ hoặc, nghiệp, khổ, tuần hoàn không dứt, cứu xét cội nguồn chỉ do vô minh mê chân pháp giới. Mà vô minh không có tự thể, không lìa tánh chân như bản giác, như người ngủ mộng, trong mộng chịu vô lượng luân hồi, bỗng nhiên tỉnh ngủ liền không, chẳng có được gì. Nếu không có tâm lúc tỉnh đâu có tâm mộng, nếu chẳng nghiên cứu tâm mộng này thì biết tìm tâm tỉnh riêng ở đâu?!

B2. Giải thích nghĩa sai biệt:

Nghĩa cảnh Vọng huân, có hai thứ khác nhau:

Huân tập thêm lớn phân biệt

Huân tập thêm lớn chấp thủ.

Cảnh Vọng vốn duy tâm hiện, vì không biết rõ nên huân ở tâm.

Huân tập thêm lớn phân biệt tức giúp cho Kiến hoặc cả nội giới và ngoại giới.

Huân tập thêm lớn chấp thủ chỉ giúp cho Tư hoặc nội giới.

Nếu giúp Kiến hoặc, tư hoặc nội giới khiến các phàm phu không thoát sinh tử, nếu giúp Kiến hoặc ngoại giới khiến người Nhị thừa chóng cầu Niết-bàn.

Vọng tâm huân cũng có hai nghĩa khác nhau:

Huân tập thêm lớn nghiệp thức căn bản, khiến A-la-hán, Bích chi Phật, tất cả Bồ-tát chịu khổ sinh diệt.

Huân tập thêm lớn thức phân biệt sự, khiến các phàm phu chịu khổ nghiệp ràng buộc.

Kiến tư ngoại giới, thêm lớn nghiệp thức, chịu biến dịch sinh tử gọi là khổ sinh diệt. Kiến tư nội giới thêm lớn sự thức, thọ sinh tử phần đoạn gọi là khổ nghiệp ràng buộc.

Vô minh huân cũng có hai nghĩa khác nhau:

Huân tập căn bản thành tự nghiệp thức.

Huân tập kiến ái thành tự thức phân biệt sự.

Pháp si gọi là huân tập căn bản.

Ngã si gọi là huân tập kiến ái.

Phần hai giảng về huân tập pháp nhiệm đã xong.

A3. Giảng huân tập Pháp tịnh:

Chia làm hai:

B1. Nói về nghĩa huân tập.

B2. Nói về nghĩa sai biệt.

B1. Nói về nghĩa huân tập:

Thế nào là huân tập pháp Tịnh không dứt? Nghĩa là do chân như huân tập vô minh, nhờ năng lực nhân duyên huân tập khiến tâm vọng

niệm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, do nhân duyên vọng tâm chán khổ ưa cầu này, lại huân chân như. Vì huân tập sẽ tự tin thân mình có pháp chân như bản tánh thanh tịnh, biết tất cả cảnh giới chỉ do tâm vọng động, rốt ráo không thật có.

Vì có thể biết như thật như thế, nên tu pháp xa lìa, khởi các hạnh thuận theo không phân biệt, không chấp thủ, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Vì năng lực huân tập thuần thực vô minh sẽ diệt, vì vô minh diệt tâm tướng chẳng khởi, vì tâm không khởi tướng cảnh giới diệt. Như thế tất cả nhân Nhiễm, duyên Nhiễm và tâm tướng quả Nhiễm đều diệt gọi là chứng Niết-bàn, thành tựu các thứ nghiệp dụng tự tại.

Chân như chỉ cho hạt giống vô lậu trong thức căn bản và diệu dụng cao siêu trong quả vị Phật, Bồ-tát. Hai thứ này đều thuận theo pháp tánh chân như nên gọi là chân như.

Hạt giống huân bên trong làm nhân, chư Phật Bồ-tát huân bên ngoài làm duyên. Nhân trong, duyên ngoài này đều không lìa tâm hiện tiền của chúng sinh. Vì tâm tánh này thật không có gì ngoài, vì hạt giống vô lậu vô thỉ không lìa tâm tánh hiện tiền, vì chư Phật Bồ-tát mười phương đều chứng tâm tánh chúng sinh, vì không ngoài tâm tánh chúng sinh.

Huân tập ở vô minh nghĩa là:

Chư Phật, Bồ-tát huân bên ngoài, huân tập thức thứ sáu và năm thức trước, khiến kia thấy sắc, nghe thanh, ngửi hương, đọc tụng, thân che trùm ánh sáng hoặc tay xoa đầu, hoặc y trùm thân, ý thức lãnh thọ, lấy hiện hành này huân làm hạt giống.

Hạt giống vô lậu huân bên trong khiến kia tin chịu, không nghi ngờ, không hủy báng.

Khiến tâm vọng niệm chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn tức là sinh ba tuệ hữu lậu Văn, Tư, Tu. Dù nhân duyên vọng tâm chán khổ cầu vui này huân lại chân như nghĩa là có ba tuệ hữu lậu Văn, Tư, Tu bên trong ất tăng trưởng thế lực hạt giống vô lậu, bên ngoài thì cảm ứng đến tâm từ bi của chư Phật Bồ-tát. Tự tin tâm mình có pháp chân như v.v... là Tín thành tựu Phát tâm. Vì hay biết như thật như thế v.v... là Giải Hạnh Phát tâm. Không có sự phân biệt v.v... là phát tâm. Vì vô minh diệt tâm tướng không khởi... là chứng trí Căn bản của Phật. Thành tựu các thứ nghiệp dụng khác nhau là chứng trí Hậu đắc của Phật.

B2. Giảng nghĩa sai biệt:

Chia làm hai:

C1. Vọng huân nghĩa khác.

C2. Chân huân nghĩa khác.

C1. Vọng huân nghĩa khác:

Huân tập vọng tâm có hai nghĩa:

Phân biệt sự thức huân: Khiến tất cả phàm phu Nhị thừa chán khổ sinh tử, tùy khả năng mình kham nhận, thú hưởng đạo vô thượng.

Ý huân: Khiến các Bồ-tát phát tâm mạnh mẽ mau chóng thú hưởng nhập Niết-bàn vô trụ.

Phân biệt sự thức huân nghĩa là: Hoặc thọ học ba thừa cộng giáo, không biết hai thức thứ bảy và tám chỉ dùng ý thức thứ sáu tu quán sinh không, phá trừ kiến hoặc, tư hoặc mà nhập Niết-bàn, hoặc thọ học Đại thừa Tiệm giáo, tuy biết hai thức thứ bảy và tám chỉ vì kiến hoặc tư hoặc nặng, nên sợ sinh tử. Trước nương thức thứ sáu tu quán sinh không, sau đó mới tu quán pháp không v.v... nên nói tùy khả năng mình kham nhận. Nhưng Bồ-tát nội phàm, ngoại phàm này chắc chắn thú hưởng Bồ-đề, tức người Nhị thừa kia cũng từ Quyền vào Thật nên nói chung là thú hưởng đạo Vô thượng.

Ý huân: Nghĩa là hoặc Bồ-tát Tiệm giáo vào địa vị Tịnh Tâm, chuyển thức thứ bảy khiến tương ứng với trí Bình đẳng tánh, nhập vận trôi vào biển Đại Niết-bàn, hoặc là Bồ-tát Đốn giáo từ đầu đã quán tâm động tức không sinh diệt, liền vào được môn chân như, nghĩa là quán tất cả vọng niệm vô tướng, ắt là chứng đắc trí tuệ Như Lai.

Tuy tâm năng quán này vẫn là ý thức thứ sáu, nhưng vì lấy căn bản vô minh làm cảnh sở quán nên gọi là Ý huân.

C2. Giảng Chân huân nghĩa khác:

Chia làm ba:

D1. Nêu lên

D2. Giải thích.

D3. Kết luận phán định

D1. Nêu lên:

Chân tâm huân cũng có hai nghĩa khác nhau:

- Thể huân.

- Dụng huân.

Thể tâm tánh chân như này, Phật và chúng sinh bình đẳng không hai. Tuy vốn không hai mà mỗi vị Phật, mỗi chúng sinh cho đến mỗi hạt bụi, đều hoàn toàn lấy chân như làm thể, chẳng phải là một ít phần chân như. Tuy mỗi Đức Phật, mỗi chúng sinh, cho đến mỗi hạt bụi toàn thể đều là chân như, nhưng chẳng phải có nhiều chân như. Đây chính là pháp môn nhất tâm không thể nghĩ bàn, ví như ngàn ngọn đèn cùng

chiếu sáng bao trùm lẫn nhau, dung chứa lẫn nhau không lẫn lộn, không chướng ngại. Nói theo Phật, thì tất cả chúng sinh đều là chúng sinh trong tâm Phật, vì tâm Phật cao tột rộng khắp, lại không có gì ở ngoài. Nói theo chúng sinh thì tất cả chư Phật đều là Phật trong tâm chúng sinh, vì tâm chúng sinh cao tột rộng khắp lại không có gì ở ngoài. Nói theo tâm hiện tại của chúng ta thì tất cả Phật, tất cả chúng sinh đều là Phật, chúng sinh trong tâm ta, vì tâm hiện tiền cao tột rộng khắp, lại không có gì ngoài, cho nên tâm, Phật, chúng sinh cả ba không khác nhau. Vì thế trong A-lại-da vốn có hạt giống vô lậu, tức thể chân như của tâm ta.

Nhân bên trong muốn phát khởi gọi là thể huân, đại dụng từ bi trên quả vị chư Phật Bồ-tát, tức là dụng chân như của tâm ta. Duyên ngoài giúp đỡ gọi là dụng huân. (Chữ trong chữ ngoài đều là nói theo tình chấp, đều không ngoài tâm).

D2. Giải thích:

Chia làm hai:

- E1. Nói về thể huân
- E2. Nói về dụng huân.

E1. Nói về Thể huân:

Chia làm hai:

- G1. Giải thích
- G2. Giải nghi.

G1. Giải thích:

Thể huân nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng vô lậu, cũng đầy đủ diệu dụng của cảnh giới cao siêu khó nghĩ lường; thường huân tâm chúng sinh không xen hở. Nhờ năng lực huân này khiến các chúng sinh chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn, tự tin thân mình có pháp chân thật nên phát tâm tu hành.

Chân như là Thể Đại.

Vô lượng vô lậu là Tướng Đại.

Diệu dụng cảnh giới cao siêu là Dụng Đại.

Tâm chúng sinh giữ toàn thể chân như Thể Đại làm thể, cho nên sẵn đủ Tướng Đại, Dụng Đại này. Như người làm đường, phương hướng vẫn bất động, như nước đóng thành băng, tánh ướt của băng vẫn như cũ, tướng tan chảy, dụng nhuần thấm, cũng sẵn đủ, tức ở đây gọi là hạt giống vô lậu trong A-lại-da. Ví như tánh tan chảy và nhuần thấm trong băng, không lìa băng mà trái với băng. Vì thế đạo vô lậu phát khởi thì xả bỏ tên A-lại-da và Dị thực.

G2. Giải nghi:

Chia làm hai:

H1. Thắc mắc

H2. Giải đáp

H1. Thắc mắc:

Hỏi: Nếu tất cả chúng sinh đồng có chân như, đều huân tập như nhau, vì sao có người tin có người không tin? Từ lúc mới phát tâm cho đến Niết-bàn trước sau khác nhau, có vô lượng sai biệt, tất cả như thế đáng lẽ phải bằng nhau mới đúng?

Câu hỏi có hai ý:

Đồng có chân như thì không nên có người tin, có người không tin.

Đều huân tập như nhau thì nên phát tâm cùng một lúc, tu hành cùng một lúc, cho đến vào Niết-bàn đồng một lúc, không nên có trước sau, càng không nên có lui sụt và không lui sụt, Ba thừa Nhất thừa, hoặc tiêm hoặc đốn, có vô lượng khác nhau.

H2. Giải đáp:

Chia làm hai:

- Theo vô minh phiền não dày mỏng để giải thích.

- Theo nhân duyên thành biện lẫn nhau để giải thích.

Đáp:

Tuy tất cả chúng sinh đồng có chân như, nhưng từ vô thủy đến nay vô minh dày mỏng, tự tánh khác nhau nhiều hơn cát sông Hằng, Ngã kiến Ngã ái v.v... phiền não trói buộc cũng giống như thế. Chỉ có trí tuệ Như Lai mới biết được nên khiến tin, không tin v.v... trước sau khác nhau.

Vô minh dày thì lòng tin khó sinh, vô minh mỏng thì lòng tin dễ phát. Phiền não dày thì khó dứt, phiền não mỏng thì dễ trừ. Mà vô minh phiền não mỗi thứ lại có ngoại giới, nội giới khác nhau, nên chỉ Như Lai mới biết hết.

Giảng nghĩa theo nhân duyên thành tựu lẫn nhau. Lại nữa, pháp chư Phật có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ việc mới thành tựu. Như tánh lửa trong cây là chánh nhân của lửa, nếu không người biết hoặc tuy có biết mà không thi công, lại muốn lửa hiện để thiêu đốt cây thì không có việc đó. Chúng sinh cũng như vậy, tuy có nhân là năng lực chân như Thể huân, nếu không gặp duyên Phật, các Bồ-tát v.v... các thiện tri thức; hoặc tuy duyên gặp mà không tu hành tinh tấn, không sinh trí tuệ, không dứt phiền não mà được Niết-bàn thì không có việc đó.

Tánh lửa trong cây dụ như hạt giống vô lậu trong A-lại-da. Nếu

không có người biết dụ cho không gặp duyên thiện tri thức. Không thì công dụ như không tu hạnh tinh tấn, lửa hiện dụ như trí huệ sinh, đốt cây dụ cho dứt phiền não, diệt thức hòa hợp.

Hợp pháp rất dễ hiểu.

Lại nữa, tuy có duyên thiện tri thức ví như bên trong không có năng lực huân tập chân thật làm nhân thì cũng không thể chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn.

Ở đây cũng như cây rất ươn không thể dùi ra lửa ngay. Du-già nường theo đây quyền lập năm tánh khác nhau. Do cho vô minh phiền não kia rất dày, che hạt giống vô lậu nên tuy có mà lại giống như không có.

Phải có đủ nhân duyên mới được như thế, thế nào là đầy đủ? Nghĩa là trong tự tướng tục có năng lực huân tập, chư Phật Bồ-tát từ bi che chở mới có thể chán khổ sinh tử, tin có Niết-bàn, trồng các gốc lành, tu tập thành thực. Do đó lại gặp chư Phật Bồ-tát chỉ dạy lợi ích vui mừng, khiến tu hạnh cao siêu cho đến thành Phật, nhập Niết-bàn.

Trong tự tướng tục nghĩa là giữ toàn thể Chân như làm thức A-lại-da, thức này từ vô thủy xoay vần truyền đến nay, nường đó kiến lập chúng sinh giả danh. Tuy niệm niệm diệt nhưng niệm niệm sinh, hằng chuyển như dòng nước nên gọi là tự tướng tục.

Có năng lực huân tập nghĩa là:

Huân tập chủng tánh bản trụ từ vô thủy.

Huân tập hạt giống do học nhiều kiếp được thành tựu.

Cả hai đều gọi là nhân bên trong.

Chư Phật, Bồ-tát từ bi che chở nghĩa là:

Duyên bình đẳng che chở.

Duyên sai biệt che chở.

Cả hai đều gọi là Duyên bên ngoài. Nên biết phải có Sai biệt nhiếp hộ và hạt giống được thành tựu do học huân tập mới có thể dần dần tăng trưởng Nhân và Duyên cao siêu kia, cho đến thành Phật nhập Đại Niết-bàn.

Phần đầu giải thích thể huân đã xong.

E2. Giảng Dụng huân: Chia làm hai:

G1. Nêu tóm lược.

G2. Giảng từng phần.

G1. Nêu tóm lược:

Dụng huân là năng lực duyên bên ngoài của chúng sinh, có vô lượng nghĩa, nói lược thì có hai thứ là duyên Sai biệt và duyên Bình

đẳng.

Chân như không hai cũng chẳng phải không hai. Vì không hai nên tất cả Phật, chúng sinh chỉ có một chân như. Vì chẳng phải không hai nên mỗi vị Phật, mỗi chúng sinh đều là toàn thể chân như.

Vì không hai tức không có năng huân sở huân, vì chẳng phải không hai nên được nói năng huân sở huân.

Nếu chỉ có không hai thì chắc chắn không có năng huân, sở huân, giả sử chỉ không không hai cũng không có năng huân sở huân.

Vì chúng sinh và Phật hoàn toàn là hai, nên chúng sinh không thể cảm, Phật không thể ứng. Nay do không hai mà hai mới được nói về dụng huân.

Lại do không hai tức chẳng phải không hai, vì thế có duyên sai biệt; do chẳng phải không hai tức là không hai vì thế có duyên bình đẳng. Lại do có duyên khác nhau nên Phật không thể độ người chẳng có duyên, có duyên bình đẳng nên Phật độ sinh không hề dừng nghỉ.

G2. Giảng từng phần:

Chia làm hai:

H1. Nói về duyên sai biệt

H2. Nói về duyên bình đẳng

H1. Nói về duyên sai biệt:

Duyên sai biệt là các chúng sinh từ lúc mới phát tâm cho đến thành Phật, nhờ các thiện tri thức như Phật, Bồ-tát v.v... tùy chỗ đáng hóa độ mà hiện thân, hoặc làm cha mẹ, hoặc làm vợ con, hoặc làm quyến thuộc, làm tội tở, làm bạn thân, làm kẻ thù, hoặc lại thị hiện thân trời v.v... Hoặc dùng bốn nhiếp pháp, hoặc dùng sáu độ, cho đến tất cả hạnh duyên Bồ-đề, đem tâm đại bi mềm mỏng, tặng phước trí rộng lớn huân tất cả chúng sinh đáng hóa độ, giúp họ thấy nghe cho đến nhớ nghĩ các hình tướng Như Lai v.v... thêm lớn gốc lành.

Duyên này có hai thứ:

Duyên gần vì mau được Bồ-đề.

Duyên xa vì lâu xa mới được Bồ-đề.

Hai duyên sai biệt này mỗi thứ lại có hai phần: duyên Tăng hạnh và duyên Nhập đạo.

Từ lúc mới phát tâm cho đến thành Phật tức là thể huân hạt giống hiện hành vô lậu, nhân trong là năng cảm. Tùy chỗ đáng hóa độ mà hiện thân tức là Dụng huân chân như về mặt quả, duyên ngoài là năng ứng.

Hoặc làm cha mẹ cho đến làm Thiên Vương v.v... khiến chúng

sinh thấy, hoặc dùng bốn nhiếp pháp cho đến các hạnh duyên Bồ-đề khiến chúng sinh vừa thấy vừa nghe, hoặc làm kẻ thù là như Đề-bà-đạt-đa v.v...; ngoài ra đều rất dễ hiểu.

Bốn nhiếp là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Sáu độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Hạnh Bồ-đề là bốn thứ Tam-muội, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... vô lượng hạnh môn. Tâm đại bi mềm mỏng là đồng thể đại bi, nhìn các chúng sinh cũng như thân mình, không có thô ác. Tạng phước trí rộng lớn là tu đức viên mãn cùng tột, bằng chân pháp tánh thường làm lợi ích không cùng tận.

Huân chỗ đáng hóa độ khiến chúng sinh thấy nghe tức là đường cảm ứng giao nhau, cho đến nhớ nghĩ hình tượng Như Lai, thêm lớn gốc lành là không chỉ thấy nghe pháp sự ứng hóa, mà có thể làm duyên cao quý tăng thượng, tức có hình tượng Như Lai và Bồ-tát, v.v... giúp người nhớ nghĩ, chiêm lễ, đều thuộc về dụng huân của chân như, bởi vì ba thân rõ ràng, bốn đức không bớt.

Chóng được Bồ-đề gọi là duyên gần. Lâu xa mới được gọi là duyên xa, có thể thấy từ lúc mới phát tâm cho đến thành Phật, đều nhờ duyên thiện tri thức. Từ lúc mới phát tâm, tức nhờ duyên này tăng hạnh nhập đạo, cho đến thành Phật cũng nhờ duyên này tăng hạnh nhập đạo. Ta có thể thấy, nếu muốn tăng hạnh nhập đạo đều nhờ duyên thiện tri thức. Duyên nhân phước đức gọi là duyên tăng hạnh, liễu nhân trí tuệ gọi là duyên nhập đạo.

H2. Giải thích Duyên bình đẳng:

Duyên bình đẳng là tất cả chư Phật và các Bồ-tát dùng trí tuệ bình đẳng, chí nguyện bình đẳng muốn cứu giúp khắp tất cả chúng sinh, nhậm vận nối nhau thường không đoạn dứt. Vì dùng chí nguyện này huân chúng sinh khiến họ nhớ nghĩ chư Phật, Bồ-tát, hoặc thấy hoặc nghe mà làm lợi ích, khiến họ vào tịnh Tam-muội. Tùy chỗ trừ chướng được mất vô ngại, trong mỗi niệm có tất cả thế giới, bình đẳng hiện và thấy vô lượng chư Phật và các Bồ-tát.

Trí tuệ bình đẳng là trí tuệ hiểu rõ tất cả chúng sinh và Phật chỉ có một chân như. Có trí tuệ bình đẳng này thì sẽ có chí nguyện bình đẳng, đó là bốn thế nguyện rộng lớn vô tác, phát tăng-na ở tâm ban đầu, cuối cùng dùng tâm đại bi để đến cứu nạn, vì thế nhậm vận nối nhau không đoạn dứt, huân tập chúng sinh.

Tịnh Tam-muội là Tam-muội chân như, chỗ nào cũng dứt chướng v.v... là như Sơ địa dứt chướng Di sinh tánh, có thể thấy chư Phật, Bồ-tát trong trăm thế giới, Nhị địa trừ chướng tà hạnh có thể thấy chư Phật,

Bồ-tát trong ngàn thế giới, cho đến tăng dần theo từng địa, trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Địa có nói đầy đủ.

D3. Kết luận phán định:

Thể dụng huân này lại có hai loại khác nhau:

Một là chưa tương ứng, hai là đã tương ứng.

Chưa tương ứng là phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát Sơ hạnh, do nương ý, ý thức huân, chỉ nương Tín lực tu hành, chưa được tâm vô phân biệt tu hành, vì chưa tương ứng với thể chân như, tu hành chưa được nghiệp tự tại vì chưa tương ứng với dụng chân như.

Phàm phu là Ba thừa ngoại phàm, Nhị thừa là hữu học vô học. Bồ-tát Sơ hạnh là Nội phàm.

Nhị thừa không biết có thức bảy, chỉ nương thức thứ sáu tu quán sinh Không, gọi là nương ý thức huân. Bồ-tát đã biết có thức thứ bảy tuy nương thức sáu tu quán pháp không, tức gọi là nương ý và ý thức huân. Nhưng thức thứ bảy chưa thể chuyển, tương ứng với Bình đẳng tánh trí, thức thứ sáu chưa thể chuyển tương ứng với pháp không vô lậu Diệu quan sát trí. Tuy được sinh không Diệu quan sát trí, nhưng chưa phải là trí căn bản vô phân biệt Đại thừa, vì chưa chứng Pháp không hiển thể chân như. Đã chưa chứng thể, thì đâu thể sinh trí Hậu đắc vô phân biệt mà thành nghiệp dụng chân như tự tại.

Đã tương ứng là Bồ-tát Pháp thân, được tâm vô phân biệt vì tương ứng với tự thể của tất cả Như Lai; được nghiệp tự tại vì tương ứng với trí dụng của tất cả Như Lai, chỉ nương pháp lực nhập vận tu hành huân tập chân như, dứt trừ vô minh.

Bồ-tát Pháp thân là Sơ hoan hỷ địa của Tiệm giáo, là Sơ phát tâm trụ của Đốn giáo. Chỗ chứng chân như là tự thể của tất cả Như Lai, vì thể không hai. Đã chứng từng phần thể ấy, tức phải giống từng phần Dụng kia, nên kinh Hoa Nghiêm nói:

*Lúc mới phát tâm,
Liên thành Chánh giác,
Thân pháp mẫu thanh tịnh
Vắng lặng ứng tất cả.*

Phần sau này đều là đạo vô công dụng nên nói nhập vận tu hành...

Phần ba giải thích huân tập pháp tịnh đã xong.

A4. Kết luận phán định dứt và không dứt:

Lại nữa, huân tập Nhiễm là từ vô thỉ đến nay không xen hở, thành Phạt mới dứt hết; huân tập sạch hết đời vị lai rốt ráo không dứt, vì huân

tập pháp chân như thì vọng tâm ắt diệt, Pháp thân hiển hiện, khởi dụng huân tập nên không có đoạn dứt.

Nhiễm đến thành Phật mới đoạn dứt, đó là vô minh không bắt đầu mà có kết thúc. Tịnh thì rất ráo không đoạn dứt, đó là thể giác có bắt đầu mà không có kết thúc. Nhiễm Tịnh đều nương Bản giác chân như, đó là Bản giác không có bắt đầu, không có kết thúc. Ví như nương theo phương hướng nên mê, mê cùng phương hướng đều không có chỗ bắt đầu. Nương mê nên có ngộ, ngộ và phương hướng đều không có chỗ kết thúc. Ngoài phương hướng không có mê ngộ, ngoài mê ngộ cũng không có phương hướng riêng, vì phương hướng bất biến phải theo hai duyên mê ngộ, cho nên chân như tức sinh diệt, vì hai duyên mê ngộ không bao giờ khiến cho phương hướng đổi khác, cho nên sinh diệt tức chân như. Nhưng mê thì trái phương hướng nên cất bước đều lầm lỗi, ngộ thì thuận theo phương hướng mà tới lui như ý; cho nên phải bỏ mê về ngộ.

Hỏi: Luận Duy Thức nói quả Phật không có năng huân sở huân, nay nói khởi dụng huân tập nên không đoạn dứt, phải hiểu thế nào?

Đáp: Ở đây nói vọng tâm diệt, Pháp thân hiển bày tức là nghĩa Phật không có năng huân, sở huân trong Duy thức.

Luận Duy thức nói vì chỗ giáo hóa hữu tình làm kỳ hạn, cùng tận mé vị lai, bốn trí tâm phẩm không dứt hết tức nghĩa dụng huân tập không đoạn dứt, hãy suy nghĩ cho kỹ!

Phần đầu Giải thích tướng nhân duyên sinh diệt đã xong.

CHI 2. Hiển bày Thể tướng dụng của Đại thừa:

Do phần lập nghĩa ở trước nói tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này vì làm hiển bày Thể Tướng Dụng của Đại thừa.

Nay giải thích tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này đã xong, nên phải trình bày Thể Tướng Dụng Đại thừa của tâm này.

Chia làm hai:

A1. Trình bày thể tướng.

A2. Trình bày dụng.

A1. Trình bày Thể tướng:

Chia làm hai:

B1. Chỉ bày.

B2. Giải nghi.

B1. Chỉ bày:

Lại nữa, tự thể tướng chân như nghĩa là tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật không có thêm bớt, chẳng phải mé trước sinh, chẳng phải mé sau diệt, rất ráo thường hằng.

Ở đây trước chỉ dạy thể Đại thừa.

Tất cả phàm phu tức pháp giới sáu phàm, cùng Thanh văn v.v... thành mười pháp giới. Mỗi phàm phu cho đến mỗi Đức Phật đều đầy đủ toàn thể chân như, mà chân như cũng không hai, ở mê không bớt, ở ngộ không thêm, mé trước không bắt đầu, mé sau không kết thúc. Cho nên nói rất ráo thường hằng.

Từ vô thủy đến nay bản tánh đầy đủ tất cả công đức là, nghĩa trí tuệ sáng suốt rộng lớn, nghĩa chiếu khắp pháp giới, nghĩa biết rõ như thật, nghĩa bản tánh thanh tịnh, nghĩa thường lạc ngã tịnh, nghĩa tự tại lạng lẽ bất biến, nghĩa nhiều hơn số cát sông Hằng như thế v.v... chẳng phải đồng, chẳng phải khác, pháp Phật không thể nghĩ bàn, không có đoạn dứt. Vì nương nghĩa này nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân.

Ở đây chỉ bày tự thể tướng Đại thừa. Tâm tất cả chúng sinh vốn đã đầy đủ thể chân như tức vốn đầy đủ tướng chân như, chẳng phải đợi thành Phật rồi mới có, nên gọi là tự thể tướng chân như.

Chẳng đồng chẳng khác là theo nhiệm khác nhau nên chẳng đồng, theo chân như duy nhất nên chẳng khác.

Nương thể chân như vốn đầy đủ đức tướng chân thật như thế, nên phàm phu sử dụng hằng ngày mà không biết, chỉ gọi là Như Lai tạng. Theo chư Phật ra khỏi các chướng tròn sáng, đổi tên thành Pháp thân.

Phần đầu trình bày đã xong.

B2. Giải thích thắc mắc:

Hỏi: Ở trên nói chân như là tất cả tướng, vì sao nay lại nói đầy đủ tất cả các tướng công đức?

Ở trên đáp chân như là tất cả tướng tức chỉ nghĩa được nói trong môn chân như.

Đáp: Tuy thật có đầy đủ tất cả công đức nhưng không có sự khác nhau. Tất cả pháp kia đều đồng một vị, một chân, là tướng phân biệt vì tánh không hai.

Đồng một vị là đồng vị vô lậu, đồng một chân là Như như và Trí Như như, tức là pháp giới nhất chân.

Là tướng phân biệt là chẳng phải các phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát quyền vị v.v... có thể suy lường mà biết được. Vì tánh không hai là chỉ thuộc về tánh Viên thành thật.

Vì nương tướng sinh diệt của nghiệp thức v.v... mà lập tất cả tướng khác nhau kia, ở đây làm sao lập? Vì tất cả pháp xưa nay chỉ là tâm, thật không có phân biệt. Vì bất giác nên khởi tâm phân biệt thấy có cảnh

giới gọi là vô minh, nhưng tâm tánh vốn thanh tịnh. Vô minh không khởi cho nên tức là Chân như, lập nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt.

Nếu tâm sinh thấy cảnh, thì có tướng không thấy, nhưng tâm tánh không có thấy thì không có chẳng thấy, cho nên ngay nơi chân như lập nghĩa chiếu khắp pháp giới.

Nếu tâm có động thì chẳng phải hiểu biết chân thật, chẳng phải bản tánh thanh tịnh, chẳng phải thường lạc ngã tịnh, chẳng phải tịch tĩnh, là thay đổi, không tự tại. Do đó khởi đủ tạp nhiễm luống dối nhiều hơn cát sông Hằng, nhưng vì tâm tánh bất động, cho nên tức lập nghĩa hiểu biết chân thật, cho đến nghĩa tướng công đức thanh tịnh nhiều hơn cát sông Hằng. Nếu tâm có khởi, thấy còn có cảnh khác để phân biệt tìm cầu, thì đối với nội pháp có chỗ không đầy đủ.

Nhưng vì công đức vô biên tức tự tánh Nhất tâm, không thấy có pháp nào khác để tìm cầu, cho nên pháp không thể nghĩ bàn đầy đủ nhiều hơn cát sông Hằng, chẳng phải khác, chẳng phải một, không có đoạn dứt (do kia vốn đầy đủ đức tướng như thế) nên nói chân như gọi là Như Lai tàng. (Do chứng đức tướng sẵn đủ này) cũng gọi là Như Lai Pháp thân, nhân gồm biển quả gọi là Như Lai tàng, cũng có thể gọi là Lý tức Pháp thân. Quả suốt nguồn nhân gọi là Pháp thân, cũng có thể gọi là Như Lai tàng rất ráo.

Phần đầu chỉ bày thể tướng đã xong.

A2. Hiển bày Dụng:

Chia làm ba:

B1. Nói dụng tức chân như.

B2. Nói rộng tùy căn cơ thấy khác.

B3. Kết thúc chỉ cho diệu dụng chân như.

B1. Nói Dụng tức Chân như:

Lại nữa, Dụng chân như là tất cả chư Phật thời kỳ tu nhân phát tâm từ bi lớn, tu hành các hạnh sáu độ, bốn nhiếp pháp v.v... quán chúng sinh đồng như mình, đều cứu thoát rộng khắp, tội đời vị lai không giới hạn kiếp số, biết rõ như thật mình người bình đẳng mà cũng không chấp tướng chúng sinh. Nhờ trí Đại phương tiện như thế, diệt vô minh từ vô thủy, chứng Pháp thân xưa, tùy ý khởi nghiệp không thể nghĩ bàn, các thứ tác dụng tự tại khác nhau trùm khắp pháp giới, đồng với chân như mà cũng không có tướng dụng để được. Vì sao? Vì tất cả Như Lai chỉ là Pháp thân nghĩa đế đệ nhất, không có tác dụng của cảnh giới thế đế.

Tất cả chư Phật thời kỳ tu nhân là lúc làm phàm phu giống như chúng ta, do tin tâm mình có pháp chân như nên có thể phát thệ nguyện

rộng lớn đại từ bi, tu hành các hạnh sáu độ, bốn nhiếp pháp v.v... cứu khắp chúng sinh, suốt tất cả kiếp, tức là tu hành quán môn, biết rõ như thật, mình người bình đẳng. Mà cũng không chấp tướng chúng sinh tức là tu hành chỉ môn. Hai pháp Chỉ Quán khi tu đều phải vận dụng, trong phần tin tu ở sau là theo công năng hạnh tự lợi nên trước nói chỉ, đoạn này nói lên diệu dụng giáo hóa chúng sinh, nên trước nói quán.

Lại nữa, trong đoạn này quán chúng sinh đồng như mình tức quán tâm rộng lớn trong Bát-nhã, đều cứu thoát khắp tức phát tâm đệ nhất trong Bát-nhã. Biết rõ mình người bình đẳng tức phát tâm thương xót nhiếp độ trong Bát-nhã, cũng gọi là tâm thường hằng.

Mà cũng không chấp tướng chúng sinh tức tâm không điên đảo trong Bát-nhã. Chỉ bốn tâm này niệm niệm tương ứng gọi là Trí Đại phương tiện nên chứng Thể mà khởi Dụng.

Nhưng tác dụng khác nhau tự tại này, ở chỗ thấy của phàm phu thì gọi là thế đế, vì có phân biệt. Ở chỗ thấy trong tâm bậc Thánh tức chỉ là nghĩa đế Đệ nhất, vì không phân biệt cho nên nói là hai đế; thật ra là một, ví như người say vọng thấy nhà ngói nhà quay cuồng, nghĩa là có nhà quay và nhà không quay. Thật ra nhà người say thấy quay tức là nhà người tỉnh thấy không quay, không có hai.

B2. Nói rộng tùy căn cơ thấy khác:

Chia làm hai:

C1. Theo thức sở y để chia ra hai thân

C2. Theo căn cơ được thấy để chia ra thô tế.

C1. Theo thức Sở y để chia ra hai thân:

Vì chỉ tùy thấy nghe của chúng sinh v.v... mà có các thứ tác dụng khác nhau, dụng này có hai:

Nương phân biệt sự thức, nghĩa là tâm sở kiến của phàm phu Nhị thừa gọi là Hóa thân. Người này không biết thức chuyển nên ảnh hiện, thấy từ ngoài đến, chấp giữ phần hạn sắc. Nhưng Hóa thân Phật không có hạn lượng nên có câu hỏi rằng:

Như Lai đã không có tác dụng của cảnh giới Thế đế, vì sao chúng sinh thấy Phật đều khác nhau, cho đến tới lui ngời nằm, thị hiện các việc giảng sinh, Niết-bàn v.v... chẳng phải Thế đế hay sao?

Nên nay giải thích rằng:

Chỉ theo sự thấy nghe v.v... của chúng sinh.

Thức chuyển ảnh hiện là khi thức chuyển hiện hành trên kiến phần hiện bóng dáng thân Phật là tướng phần. Tức là chỗ thấy của tâm Nhị thừa, phàm phu kia đều do cộng tướng thức chuyển, vì thế hiện

hình tượng này, vốn không phải từ ngoài tâm đến, chỉ vì phàm phu, Nhị thừa kia không biết có tàng thức, không biết có chư Phật hiện thân trong tâm chúng sinh, có thể lấy chúng sinh trong tâm chư Phật làm bản chất; không biết thân Phật được chúng sinh trong tâm chư Phật thấy, tức nương thân chư Phật trong tâm chúng sinh hiện ra mà biến thành hình tượng, nên nói thấy từ ngoài đến, chấp phần hạn của sắc.

Nhưng kia tuy vọng chấp từ ngoài đến, thật ra vốn không ở ngoài, kia tuy vọng chấp phần hạn, kỳ thật Hóa thân vốn không có hạn lượng. Vì Hóa thân này là dụng của chân như, tức Báo thân, tức Pháp thân. Chẳng lìa thể tướng chân như được dụng chân như, vì thế ứng trì không thấy đảnh Phật, Mục Liên không thấy được chỗ tốt cùng âm thanh Phật, cho đến nặn đất, đúc vàng, khắc gỗ, vẽ trên giấy, hình tượng Phật đều chứa ba thân rõ ràng, bốn đức không bớt, không thể làm theo kẻ phàm mắt mù, Nhị thừa mắt chột, nghĩa là chẳng phải chân Phật, tự rơi vào kiến chấp cong vạy.

Nương nghiệp thức là các Bồ-tát từ lúc ban đầu phát tâm cho đến Bồ-tát rốt ráo địa. Tâm sở kiến gọi là thân Thọ dụng. Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, chỗ trụ nương vào quả, cũng đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Tùy chỗ đáng thấy vô lượng vô biên, không có bờ mé, không đoan dứt, chẳng phải ngoài tâm mà thấy như thế. Tức chỗ thấy thân Phật của Bồ-tát kia, cũng do nhãn thức thấy, ý thức quán sát. Chỉ do biết có tàng thức, giữ toàn thể chân như làm thể, vốn chẳng phải một chẳng phải khác với Như Lai, nên tùy chỗ thấy liền biết là thân Phật trong tự tâm nương làm bản chất, lại duyên ảnh biến hóa ở tự tâm. Bản chất không ngoài tâm tánh mình, ảnh tượng không ngoài tâm năng duyên, nên gọi là nương vào nghiệp thức.

Sơ phát tâm tức quả vị Sơ phát tâm trụ của Đốn giáo, vì phần chứng chân như, hay thấy thân thọ dụng của Phật. Thân thọ dụng này, vì xứng với pháp tánh do đó có vô lượng sắc, tùy theo mỗi sắc, cũng lại xứng với pháp tánh, vì thế có vô lượng tướng, tùy mỗi một tướng cũng xứng pháp tánh vì thế có vô lượng vẻ đẹp.

Sở trụ y quả tức là cõi Thật Báo không chướng ngại, vì cũng lại xứng pháp tánh, vì thế đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Nhưng đây cũng là nương thân và cõi tự thọ dụng của Phật dùng làm bản chất, tự biến tướng phần làm thân sở duyên, nên gọi là thân và cõi Tha thọ dụng. Cho nên mỗi Bồ-tát tùy phần lượng của tâm, Sơ địa thấy một trăm thế giới, Nhị địa thấy ngàn thế giới v.v... các thứ khác nhau, cho

đến Bồ-tát địa rốt ráo thấy mới cùng tận, đều gọi là thân và cội Tha thọ dụng. Ví như ánh sáng đèn, tuy ánh sáng lồng nhau mà làm năng chiếu lẫn nhau, làm sở chiếu lẫn nhau lớp lớp vô tận nhưng ánh sáng vẫn không lẫn lộn nhau.

Hãy nghĩ cho kỹ, nghĩ cho kỹ!

Chớ bảo có căn, có ảnh, nên chẳng đầy đủ phần Duy Thức, chẳng phải tức pháp giới sự sự vô ngại.

Hỏi: Chỗ thấy của Bồ-tát phát tâm trụ thế nào?

Đáp: Nếu ở Tiệm giáo tức đồng chỗ thấy của phàm phu, Nhị thừa, nếu ở Đốn giáo sự thấy biết có thể đồng với Sơ trụ, chỉ chưa thể nhập vận thường thấy.

Các công đức này được thành tựu đều nhờ huân tập hành vô lậu như Ba-la-mật v.v... và huân tập không thể nghĩ bàn. Vì đầy đủ vô biên tướng công đức hỷ lạc cũng gọi là Báo thân.

Mỗi công đức tuy tánh đều đầy đủ, vẫn phải xứng tánh khởi tu, tu đức tròn đủ mới được thành tựu. Tuy nói thành tựu mà tánh đức cũng không thêm, chỉ vì đối với nhân tu mới gọi là quả báo.

Trong phần Phật tức Báo thân tự thọ dụng, hòa hợp không hai không khác với Pháp thân. Bồ-tát nương đó làm bản chất cảnh, biến ảnh mà thấy tức gọi là Báo thân tha thọ dụng.

Phần đầu theo thức sở y để chia ra hai thân đã xong.

C2. Theo chỗ thấy của căn cơ để chia ra thô tế:

Lại nữa, chỗ thấy của phàm phu v.v... là dụng thô. Tùy sáu đường khác nhau có các thứ khác nhau, không có vô biên tướng lạc công đức, gọi là Hóa thân.

Cái thấy của Bồ-tát sơ hạnh là dụng hạng trung, vì tin sâu chân như nên được thấy chút phần. Biết thân Như Lai không đến không đi, không có đoạn dứt, ảnh hiện duy tâm, không lìa chân như. Nhưng Bồ-tát này vẫn chưa thể lìa phân biệt nhỏ nhiệm vì chưa nhập địa vị Pháp thân.

Cái thấy của Bồ-tát Tịnh tâm là Dụng nhỏ nhiệm, như thế càng cao siêu hơn, cho đến Bồ-tát địa rốt ráo, cái thấy mới cùng tận.

Dụng nhỏ nhiệm này là thân thọ dụng, vì có nghiệp thức thấy thân thọ dụng, nếu lìa nghiệp thức thì không thể thấy, tất cả Như Lai đều là Pháp thân vì không có sắc tướng kia đây khác nhau.

Phàm phu v.v... là chỉ cho Nhị thừa và Tiệm giáo ngoại phàm. Bồ-tát Sơ hạnh là Tiệm giáo nội phàm và Đốn giáo nội ngoại phàm. Bồ-tát Tịnh tâm là Đốn giáo Sơ phát tâm trụ, Tiệm giáo Sơ hoan hỷ địa. Thô

dụng gọi là Hóa thân, nghĩa là Ứng thân bậc kém. Dụng hạng trung là Ứng thân vừa kém vừa cao siêu, cũng gọi là Thân gồm Báo thân và Hóa thân hòa hợp. Dụng nhỏ nhiệm là Báo thân tha thọ dụng, đều là ảnh hiện Pháp thân và Báo thân. Không lìa Pháp thân và Báo thân, Phật há lại có thô tế ư?! Thô tế đều do căn cơ.

Lại nữa, thô dụng, Đại Thừa Chỉ Quán gọi là tánh phân biệt thanh tịnh. Trung dụng, tế dụng đều gọi là tánh y tha thanh tịnh, vì nếu lìa nghiệp thức thì chứng tánh chân thật thanh tịnh, mỗi tánh đều trùm khắp pháp giới, không lẫn lộn không chướng ngại, lại không có sắc tướng kia đây khác nhau.

Phần hai nói rộng Tùy căn cơ thấy khác nhau đã xong.

B3. Kết thúc chỉ bày Diệu dụng Chân như:

Hỏi: Nếu Pháp thân Phật không có các thứ sắc tướng khác nhau thì làm sao hiện các thứ sắc?

Đáp: Vì Pháp thân là thật thể sắc, nên hiện được các thứ sắc, nghĩa là từ xưa đến nay sắc tâm không hai, vì bản tánh sắc tức tự tánh tâm gọi là Trí thân. Vì bản tánh tâm tức tự tánh sắc, nên gọi là Pháp thân. Nương Pháp thân, tất cả sắc thân Như Lai hiện, trùm khắp tất cả chỗ không xen hở. Bồ-tát mười phương tùy sự kham nhận, tùy chỗ phát nguyện, thấy vô lượng thân thọ dụng, vô lượng cõi trang nghiêm mỗi mỗi khác nhau, không chướng ngại nhau, không có đoạn dứt. Sắc thân hiện ra này, tâm ý thức tất cả chúng sinh không thể nghĩ lường, vì là dụng tự tại sâu xa của Như Lai.

Pháp thân tức là chân như, chân như tức là thể thật của tất cả pháp, nên tức là thật thể sắc. Đã tức là thật thể sắc tại sao lại gạn hỏi hiện các thứ sắc? Huống chi từ xưa đến nay sắc tâm không hai, chẳng phải đời thành Phật mới không hai. Nghĩa là sắc tức chân như, nên tức chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, cũng tức có thể sắc, có thể tâm. Tâm tức chân như nên cũng chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, cũng tức có thể là tâm có thể là sắc, cho nên sắc tức là Tâm, tức có thể gọi là trí thân thì tất cả chỉ là Tâm. Tâm tức là sắc, tức có thể gọi là Pháp thân, thì tất cả chỉ là sắc. Nương Pháp thân chẳng phải sắc chẳng phải tâm, mà là sắc mà là tâm này, Như Lai hiện các sắc thân rộng khắp cao tột gọi là Báo thân Tự thọ dụng. Bồ-tát nương theo đây làm bản chất cảnh, mỗi người thấy khác nhau gọi là Báo thân Tha thọ dụng. Tuy là trùm khắp cũng không có chỗ nơi, cho nên không chướng ngại nhau, không có đoạn dứt.

Tùy sự kham nhận là Sơ địa thấy một trăm cõi, Nhị địa thấy một ngàn cõi v.v... Tùy sở nguyện ưa thích là hoặc do năng lực nguyện tự

tại, lại nhiều hơn đây gấp trăm lần, ngàn lần cho đến gấp trăm ngàn ức na-do-tha lần, không thể đếm biết hết sắc thân biến hiện này, đều là diệu dụng sâu xa tự tại của chân như. Tuy vốn không lìa tâm, ý, thức tánh của chúng sinh, do vô minh bất giác vọng tưởng tự trói buộc, vì thế nên không thể suy lường.

Phần hai giải thích từng môn đã xong.

A3. Kết luận hai môn không lìa nhau:

Chia làm hai:

B1. Dạy tu quán.

B2. Dụ hiển bày nghĩa không hai.

B1. Dạy tu Quán:

Chia làm hai:

C1. Nêu ý.

C2. Nói về pháp quán.

C1. Nêu Ý:

Lại nữa, vì muốn chúng sinh từ tâm môn sinh diệt vào môn chân như.

Chúng sinh từ vô thủy đến nay vì chưa giác ngộ chân như, cứ thế mà thành sinh diệt, bỏ tâm sinh diệt thì có chân như ở đâu để quán? Nên phải ngay từ tâm môn sinh diệt quán sinh diệt vốn không sinh diệt, mới vào được môn chân như.

C2. Nói về Pháp quán:

Khiến quán sắc, v.v... đều không thành tựu. Vì sao chẳng thành tựu?

Ở đây nêu chung sắc v.v... để làm cảnh sở quán, vân vân là pháp vô vi và bốn uẩn còn lại.

Nghĩa là phân tích sắc thô dẫn đến vi trần lại dùng phương pháp phân tích chia chẻ vi trần này. Cho tất cả các sắc hoặc thô hoặc tế chỉ là bóng dáng vọng tâm phân biệt, không thật có.

Ở đây, trước quán sắc uẩn không thành tựu. Dù cho hạt bụi có cách chia chẻ, có thể phân tích ngay thì chắc chắn chẳng phải thật có. Nếu không có phương pháp chia chẻ thì đó là chẳng phải sắc, nên biết tướng thô tướng tế của các sắc đều là tướng phần vọng tâm hiện, ngoài tâm Phật không có sắc.

Hỏi: Phân tích sắc là cách quán Tiểu thừa, vì sao Đại thừa cũng dùng cách quán này.

Đáp: Tiểu thừa phân tích sắc chỉ hiển bày nhân không, Đại thừa phân tích sắc là làm rõ sắc pháp vốn không, nên nói pháp không có Đại

thừa có Tiểu thừa, đại hay tiểu là do người. Dụ thuốc giúp tay bị lạnh mà không nứt có thể suy nghĩ sâu thêm.

Tìm cầu các uẩn khác dẫn đến sát-na, tìm tướng sát-na này khác nhau chẳng phải một.

Lại quán bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức chẳng thành tựu, bốn lần tìm kiếm tâm pháp trong một sát-na, nghĩa là chưa sinh, muốn sinh, sinh, đã sinh, không có trụ dù chỉ tạm thời, không có chút pháp thật, chỉ có tên gọi mà thôi.

Pháp vô vi cũng giống như thế, lìa pháp giới thì không thể được.

Tiếp đến lại quán pháp vô vi không thành tựu. Sắc, tâm niệm niệm sinh trụ diệt gọi là pháp hữu vi. Đối đãi với pháp hữu vi này, giả đặt danh từ vô vi kia. Hữu vi còn không thật có thì vô vi chỉ thuộc về pháp giới trong mười tám giới, chính là bóng dáng sở duyên của thức thứ sáu, há lìa sắc tâm mà thật có thường pháp tên là vô vi?

Như thế thì tất cả các pháp trong mười phương nên biết đều như thế.

Hữu vi vô vi tức không thành tựu thì thế giới mười phương có pháp nào để thành tựu ư? Đây là sinh diệt vô tánh, đương thể tức là chân như, rõ ràng như thế.

Phần đầu Chỉ bày cách quán đã xong.

B2. Ví dụ nói lên nghĩa không hai:

Cũng như người mê cho phương Đông là Tây, phương thật không thay đổi; chúng sinh cũng như thế, vì không biết đang mê lầm cho tâm là động, mà tâm thật không động. Nếu biết tâm động thì tâm không sinh diệt liền được vào môn chân như.

Chỉ tâm hiện tiền này tánh tức chân như. Chúng sinh ở trong chân như vọng thấy sinh diệt, cũng như người mê cho phương Đông là Tây thì không có sinh diệt ngoài chân như. Người mê tuy cho phương Đông là Tây, mà phương Đông vẫn là Đông, thì chỗ người mê cho là phương Tây vốn là phương Đông của người giác ngộ, có thể ví dụ không có chân như ngoài sinh diệt.

Nghĩa là tâm là động, hợp với đoạn trước cho phương Đông là Tây, là ngay chân như mà thành sinh diệt. Tâm thật không động, hợp với đoạn trước nói phương Đông vẫn ở phương Đông, là lìa sinh diệt không còn có chân như, nên nếu biết tâm động tức chẳng sinh diệt, ví như có thể biết chỗ gọi là Tây vốn tức là Đông, liền vào môn chân như.

Một tâm niệm mà chia thành hai môn mê ngộ, hai môn rốt ráo

chỉ một tâm này. Chỉ quý nhất là biết chuyển đổi mê chấp mà thôi. Mê là vô minh, chấp là vọng tưởng, biết là Thỉ giác, nên biết rõ như thế, không còn có hiểu biết nào khác, nên nói Thỉ giác tức Bản giác.

Phần đầu chỉ bày thật nghĩa đã xong.

